

ĐỀ KIỂM TRA MÔN KINH TẾ PHÁT TRIỂN

Theo số liệu thống kê của Việt Nam năm 2006: GDP theo giá hiện hành đạt 71 tỷ USD; Tổng mức tiết kiệm đạt 29,465 tỷ USD trong số 20,625 tỷ USD là tiết kiệm trong nước; Tỷ lệ huy động tiết kiệm trong nước vào đầu tư là 73%; còn tỷ lệ huy động tiết kiệm từ nước ngoài vào đầu tư là 100%; Hệ số trễ của vốn đầu tư là 0,15.

1. Năm 2007; Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng kinh tế là 7,5%. Hãy sử dụng mô hình tăng trưởng Harrod- Domar để bình luận mục tiêu tăng trưởng nói trên với hệ số ICOR năm 2007 là 4.

Tiết kiệm nước ngoài năm 2006 là:

$$S_{NN} = S_{2006} - S_{2006(TN)}$$

$$S_{NN} = 29,465 - 20,625 = 8,84 \text{ (tỷ USD)}$$

Tổng đầu tư huy động từ tiết kiệm nước ngoài năm 2006 là:

$$I_{2006(NN)} = \mu_{2006(NN)} \times S_{2006(NN)}$$

$$I_{2006(NN)} = 100\% \times 8,84 = 8,84 \text{ (tỷ USD)}$$

Tổng đầu tư huy động từ tiết kiệm trong nước năm 2006 là:

$$I_{2006(TN)} = \mu_{2006(TN)} \times S_{2006(TN)}$$

$$I_{2006(TN)} = 73\% \times 20,625 = 15,05625 \text{ (tỷ USD)}$$

Tổng vốn đầu tư huy năm 2006 là:

$$8,84 + 15,05625 = 23,89629 \text{ (tỷ USD)}$$

Hệ số huy động của tiết kiệm vào đầu tư năm 2006 là:

$$\mu_s = I_{2006}/S_{2006} = 23,89629/15,05625 = 81,1\%$$

Theo mô hình tăng trưởng Harrod- Domar, tốc độ tăng trưởng theo kế hoạch là:

$$g = \{s_o \times \mu_s \times (1 - \mu_i)\}/k_{2007}$$

s_o là tỷ lệ tiết kiệm đầu tư năm 2007 là:

$$29,465 : 71 = 41,5\%$$

$$\text{Vậy } g = \{41,5\% \times 81,1\% \times (1 - 15\%)\} : 4 = 7,15\%$$

Từ những số liệu trên có thể thấy rằng mục tiêu tăng trưởng của Việt Nam

năm 2007 là 7,5% cao hơn so với khả năng tăng trưởng của nền kinh tế là 7,15%.

Theo số liệu thống kê năm 2007, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam là 8,5%. Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam dựa chủ yếu vào sự đóng góp của yếu tố số lượng vốn đầu tư. Tỷ lệ vốn đầu tư so với GDP từ năm 2004 đến nay đều đã vượt qua mốc 40% (năm 2004 đạt 40,7%, năm 2005 đạt 40,9%, năm 2006 đạt 41%, ước năm 2007 đạt 40,4%), kế hoạch năm 2008 còn cao hơn, lên đến 42%.

Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam hiện còn dựa một phần quan trọng vào yếu tố số lượng lao động, sự quan trọng này được xét trên hai mặt. Một mặt, do nguồn lao động hàng năm vẫn còn tăng khoảng 2%, tức là trên 1 triệu người mỗi năm. Mặt khác, do tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị và tỷ lệ thiếu việc làm ở nông thôn còn cao.

Ở nước ta, tỷ lệ của vốn và lao động đóng góp vào tăng trưởng là 71,8%, sự đóng góp của yếu tố TFP (yếu tố năng suất tổng hợp) là 28,2%, chứng tỏ VN phát triển kinh tế theo chiều rộng, chưa chuyển mạnh sang phát triển theo chiều sâu.

2. Sử dụng ý tưởng của mô hình Harrod – Domar có thể đề xuất

2 phương án giải quyết nhằm thực hiện được mục tiêu tăng trưởng kinh tế đặt ra: (1) tăng cường khai thác huy động thêm các nguồn vốn đầu tư; (2) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo xu hướng tăng các ngành sản xuất sử dụng nhiều lao động. Những gì sẽ xảy ra khi sử dụng một trong hai hướng giải quyết trên đối với thị trường các yếu tố nguồn lực liên quan? Tình hình tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2007 sẽ như thế nào? với giả thiết các yếu tố khác không đổi. (Sử dụng các đồ thị minh họa).

Với mục tiêu tốc độ tăng trưởng $g = 7,5\%$

Nhu cầu vốn đầu tư cần có là:

$$s_{2006} = k_k \times g_k = 4 \times 7,5\% = 30\%$$

$$s_{2006} (\text{điều chỉnh}) = s_0 : \{\mu_s \times (1 - \mu_i)\}$$

$$s_{2006} (\text{điều chỉnh}) = 0,3 : \{0,81 \times (1 - 0,15)\} = 0,4352$$

Ta thấy nhu cầu vốn đầu tư lớn hơn khả năng, vì vậy để đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế đặt ra có thể đề xuất 2 phương án: (1) tăng cường khai thác huy động thêm các nguồn vốn đầu tư; (2) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo xu hướng tăng các ngành sản xuất sử dụng nhiều lao động.

- (1) tăng cường khai thác huy động thêm các nguồn vốn đầu tư

$$S_{\text{(nhu cầu)}} = SO : \{\mu_s \times (1 - \mu_i)\}$$

Từ công thức trên ta thấy nếu muốn giảm nhu cầu vốn cần phải tăng μ_s tức là hệ số huy động tiết kiệm phải được tăng lên.

Phương án được lựa chọn là không chỉ tăng đầu tư, mà còn phải tập trung nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Việt Nam sẽ vẫn phải tiếp tục thực hiện một số biện pháp sau để huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn:

- Cải cách thủ tục, chính sách, các quy định pháp lý để sớm khắc phục những ách tắc trong giải ngân vốn đầu tư, trong việc phát triển doanh nghiệp; giảm bớt gánh nặng chi phí bất hợp lý trong kinh doanh, tạo môi trường làm ăn thông thoáng, minh bạch cho mọi thành phần kinh tế. Do vậy, nhà nước cần giảm bớt những dự án đầu tư không hiệu quả và chuyển dần từ đầu tư của nhà nước sang đầu tư tư nhân. Việc xã hội hoá đầu tư không chỉ làm gia tăng hiệu quả vốn đầu tư mà còn làm giảm nợ chính phủ.

- Việt Nam cần cải thiện hơn nữa môi trường đầu tư, đặc biệt là khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân (Hiện tại đầu tư của khu vực kinh tế tư nhân ở mức khoảng 30% tổng mức đầu tư của toàn xã hội, thấp hơn rất nhiều so với đầu tư của nhà nước.

- Cần có cơ chế thông thoáng hơn để thu hút nguồn kiều hối. Trong những năm qua nguồn kiều hối không ngừng gia tăng làm giảm đáng kể giữa tiết kiệm và đầu tư ở Việt Nam.

- ***(2) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo xu hướng tăng các ngành sản xuất sử dụng nhiều lao động.***

3. Khi cần phải quyết định hướng đầu tư phát triển cho Việt Nam nhằm thực hiện mục tiêu tăng trưởng nhanh nhưng lại chịu sức ép lớn về vấn đề giải quyết việc làm, quan điểm của anh, chị như thế nào? Lập luận cho quan điểm đó.

Mô hình 3: Tăng trưởng bền vững nhờ nguồn tích lũy từ các loại vốn tăng lên theo thời gian một cách cân đối. Chính phủ tập trung đầu tư nhiều hơn cho khu vực kinh tế công cộng như giáo dục, y tế và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường. Nguồn vốn của tư nhân cũng không bị giảm sút, kể cả vốn vật chất và vốn nhân lực. Vốn nhân lực được tiếp sức có giá trị gia tăng cao hơn, tạo điều kiện đổi mới công nghệ và tăng TFP.

Như vậy, tăng trưởng chủ yếu dựa vào nguồn vốn vật chất thì không thể bền vững. Hầu hết các nước đang phát triển đã áp dụng mô hình 1 và 2, đầu tư cho vốn nhân lực và vốn tài nguyên ở mức thấp. Nếu như các nước đang phát triển chỉ đầu tư vào khu vực công với tỷ lệ thấp, thì nguồn đầu tư đó không ảnh hưởng tới năng suất và chỉ có tác dụng đối với tăng trưởng ở mức độ vừa phải hoặc trong khoảng thời gian ngắn. Mô hình thứ ba đạt được các tiêu chuẩn về chất lượng tăng trưởng: tăng năng suất nhân tố tổng hợp TFP, tăng trưởng thân thiện với môi trường, tăng trưởng có sự đổi mới thiết chế dân chủ và cuối cùng là phúc lợi xã hội được nâng cao. Đó là mô hình mà nhiều quốc gia phát triển đang theo đuổi.

Thực hiện mô hình tăng trưởng đạt được tất cả các chỉ tiêu về chất lượng tăng trưởng là vấn đề khó khăn đối với các nước đang phát triển. Một số nước đã phải chịu những tổn thất về môi trường, thể chế chính trị mất dân chủ nhưng ưu tiên cho mục tiêu tỷ lệ tăng trưởng cao. Đối với các nước nghèo, tăng trưởng kinh tế cao một mặt làm tăng thu nhập bình quân đầu người, mặt khác làm giảm tỷ lệ người nghèo đói và có thể thoát khỏi nguy cơ tụt hậu trong quá trình phát triển. Lịch sử kinh tế thế giới đã chỉ ra rằng, ít có quốc gia nào đạt được các mục tiêu tăng trưởng trọn vẹn theo các tiêu chuẩn nêu trên. Sự thần kỳ Đông Á cũng chỉ tồn tại trong khoảng thời gian 2 đến 3 thập kỷ, thu nhập bình quân đầu người tăng nhanh, tỷ lệ nghèo đói giảm, đầu tư vào vốn nhân lực ở mức cao, nhưng sự quản lý của chính phủ yếu kém, mất dân chủ trong hoạt động kinh tế, vốn vật chất tăng nhưng TFP không tăng đáng kể. Hậu quả là các nước này rơi vào khủng hoảng.

Nhiều quốc gia đang phát triển đã thay đổi thứ tự ưu tiên các mục tiêu phát triển trong thập kỷ 90. Ưu tiên cho tốc độ tăng trưởng kinh tế cao được thay thế bằng mục tiêu nâng cao chất lượng tăng trưởng. Chuyển hướng ưu tiên có thể đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng nếu những mục tiêu ưu tiên đó là đúng. Hầu hết các kết quả nghiên cứu